

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/DS-ST

Ngày: 24-9-2020

V/v: “*Tranh chấp về
thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thanh Đình.
2. Bà Nguyễn Thị Tài Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Nương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2019 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án số: 42/TB-TA ngày 15-9-2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ B, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Tân An, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Đ, sinh năm 1936; địa chỉ: Xóm 3, thôn L, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Võ Thanh M, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn Tân An, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3.2. Bà Võ Thị T, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm 1, thôn L, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3.3. Bà Võ Thị Nh, sinh năm 1953; địa chỉ: Xóm 6, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3.4. Bà Võ Thị Nh, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Tân An, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị N ủy quyền cho ông Hồ Thanh B, theo văn bản ủy quyền ngày 01-7-2019.

3.5. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ dân phố 3 (tổ 4 cũ), thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Bà Nguyễn Thị Th ủy quyền cho bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1994, theo văn bản ủy quyền ngày 25-5-2020. Bà Th, bà D có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Võ B khai:

Về hàng thừa kế: Cha mẹ của ông Võ B là cụ Võ Ch (chết năm 2010) và cụ Nguyễn Thị Y (chết năm 1979), cụ Ch và cụ Y chết không để di chúc. Cụ Ch và cụ Y có 07 người con, gồm: Ông Võ Đ, ông Võ B, ông Võ Thanh M, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị Nh và bà Võ Thị Đ (bà Đâu chết năm 1969 có 01 con là Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1969). Ngoài ra, Cụ Ch và cụ Y không có con riêng, con nuôi nào khác.

Về di sản thừa kế: Khi còn sống cụ Võ Ch và cụ Nguyễn Thị Y tạo lập được thửa đất số 710, tờ bản đồ số 4 có diện tích 796m², loại đất T (đất ở), nay là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 25 (đo vẽ năm 2016) tọa lạc tại thôn Long Bàn, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là thửa đất số 710). Năm 1979, cụ Nguyễn Thị Y chết, cụ Võ Ch quản lý, đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện S (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Võ Ch ngày 23-5-1997. Năm 2012, Nhà nước quy hoạch mở đường đã thu hồi 255m² đất và bồi thường số tiền 25.000.000 đồng do ông Võ Đ đứng nhận và chi phí giỗ cha mẹ, còn lại số tiền 10.000.000 đồng, hiện nay ông Võ Đ đang giữ. Về phương án bồi thường và diện tích bị thu hồi, số tiền bồi thường ông B thống nhất, không có ý kiến gì. Sau khi cụ Y, cụ Ch chết thửa đất này không ai ở, trên đất có nhà của cụ Ch, cụ Y thỉnh thoảng con cháu về thăm nom, hiện nay các con của cụ Ch, cụ Y đều có nơi ở riêng, các đồng thừa kế không ai cải tạo, đổ thêm đất để làm tăng giá trị đất (không có đất bồi trức).

Theo đo đạc thực tế, thửa đất số 710, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 25 (đo vẽ năm 2016)), tọa lạc tại thôn Long Bàn, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi có diện tích 605,2m², có sự chênh lệch giữa hai lần đo là do sai số, các hộ sử dụng đất liền kề không ai có tranh chấp.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 0701.3/CT/TVĐN ngày 01-7-2019 của Công ty Cổ phần định giá và Tư vấn đầu tư Đà Nẵng thể hiện giá trị quyền sử dụng thửa đất số 710 là 3.473.848.000 đồng, ông Võ B thống nhất giá trị quyền sử dụng đất theo Chứng thư thẩm định giá và yêu cầu Tòa án căn cứ giá này để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với tài sản có trên đất giá trị không đáng kể nếu chia cho ai được nhận đất thì người đó được quản lý, sử dụng tài sản trên phần đất được chia. Ông Võ B

không yêu cầu chia thừa kế đối với các tài sản này. Đối với ngôi nhà trên thửa đất số 710 do cụ Ch, cụ Y làm, hiện nay đã cũ, xuống cấp ông B tự nguyện dỡ dọn ngôi nhà này.

Theo đơn khởi kiện ban đầu ông Võ B yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia di sản của cụ Võ Ch và cụ Nguyễn Thị Y để lại theo quy định của pháp luật, gồm: Quyền sử dụng đất của thửa đất số 710, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 25 (đo vẽ năm 2016)), tọa lạc tại thôn Long Bàn, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và số tiền 10.000.000đồng (hiện ông Võ Đ đang giữ) thành 08 kỷ phần bằng nhau cho 07 người con gồm: Võ B, Võ Đ, Võ Thanh M, Võ Thị T, Võ Thị Nh, Võ Thị Nh và Võ Thị Đ (bà Đ chết thì có con là Nguyễn Thị Th hưởng phần của bà Đ), ông B xin nhận 02 kỷ phần.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Võ B xin rút yêu cầu chia số tiền bồi thường về việc thu hồi đất 10.000.000 đồng. Ông B yêu cầu chia di sản của cụ Ch, cụ Y theo quy định của pháp luật làm 07 kỷ phần bằng nhau cho 07 đồng thừa kế. Ông Võ B yêu cầu nhận hiện vật (ông Võ B xin nhận toàn bộ quyền sử dụng đất của thửa đất số 710 và thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế).

- Bị đơn ông Võ Đ trình bày:

Về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế: Ông Võ Đ thống nhất với trình bày của nguyên đơn.

Về di sản là quyền sử dụng thửa đất số 710, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 25), tại thôn Long Bàn, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc là của ông bà để lại cho cha mẹ là cụ Võ Ch, cụ Nguyễn Thị Y. Khi còn sống, cụ Chi, cụ Yết có nguyện vọng để lại thửa đất trên để làm nhà thờ. Cha Võ Ch chết năm 2010, mẹ Nguyễn Thị Y chết 1979, không để lại di chúc.

Tại phiên tòa, ông Võ Đ yêu cầu các đồng thừa kế phải để lại một phần diện tích của thửa đất 710 có diện tích $5m \times 20m = 100m^2$ để làm nhà thờ cúng giỗ ông, bà tổ tiên, phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 710 chuyển nhượng, sau khi chuyển nhượng thì trích một số tiền để xây dựng nhà thờ, cụ thể số tiền bao nhiêu ông Đ không nêu được vì nhà thờ chưa xây, nhà thờ này do ông Đ ở, quản lý, các anh chị em có quyền về ở, cúng giỗ ông, bà cha mẹ. Số tiền còn lại thì chia làm 7 phần, chia đều cho các đồng thừa kế.

Trường hợp, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật thì ông Võ Đ yêu cầu chia thửa đất số 710 thành 8 kỷ phần bằng nhau, ông Đ yêu cầu được nhận 02 kỷ phần, các đồng thừa kế khác mỗi người nhận 01 kỷ phần vì ông Đ có công lo chôn cất, xây dựng mồ mã cho cha mẹ, lo cúng giỗ, nộp thuế và quản lý thửa đất số 710, ông Đ xin nhận hiện vật (yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ diện tích của thửa đất số 710 và thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế).

Về phương án bồi thường và diện tích bị thu hồi, số tiền bồi thường, chứng thư thẩm định giá ông Đ thống nhất, không có ý kiến gì. Sau khi cụ Y, cụ Ch chết thửa đất này không ai ở, trên đất có nhà của cụ Ch, cụ Y đã cũ, thỉnh thoảng ông Đ về thăm nom, hiện nay các con của cụ Ch, cụ Y đều có nơi ở riêng,

các đồng thừa kế không ai cải tạo, đổ thêm đất để làm tăng giá trị đất (không có đất bồi trúc).

Đối với tài sản trên đất giá trị không đáng kể nếu chia cho ai được nhận đất thì người đó được quản lý, sử dụng tài sản trên phần đất được chia. Ông Đ không yêu cầu chia thừa kế đối với các tài sản này. Trên thửa đất số 710 có nhà cấp 4 của cha mẹ, hiện nay đã xuống cấp, ông Võ Đ đồng ý giao cho ông Võ B dỡ dọn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thanh M, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Nh, người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Nh là ông Hồ Thanh B, bà Nguyễn Thị Th (con của bà Võ Thị Đ) và người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Th là chị Nguyễn Thị D đều trình bày:* Các ông, bà đều thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, về di sản thừa kế. Các ông, bà đều thống nhất yêu cầu của nguyên đơn chia di sản thừa kế của cụ Ch và cụ Y là quyền sử dụng thửa đất số 710, thành 07 kỷ phần cho 07 anh chị em gồm: Võ B, Võ Đ, Võ Thanh M, Võ Thị T, Võ Thị Nh, Võ Thị Nh và Võ Thị Đ (bà Đ chết thì có con là Nguyễn Thị Th được hưởng phần của bà Đ). Tất cả các ông, bà đều yêu cầu được nhận giá trị (tiền).

Các ông, bà thống nhất giá trị quyền sử dụng đất theo chứng thư thẩm định giá nêu trên và yêu cầu Tòa án căn cứ giá này để giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với tài sản trên đất giá trị không đáng kể nếu chia cho ai được nhận đất thì người đó được quản lý, sử dụng tài sản trên phần đất được chia. Các ông, bà không yêu cầu chia thừa kế đối với các tài sản này. Trên thửa đất số 710 có ngôi nhà của cụ Ch, cụ Y làm, hiện nay đã cũ, các ông, bà thống nhất giao cho ông B dỡ dọn.

Về phương án bồi thường và diện tích bị thu hồi, số tiền bồi thường, việc ông Võ B rút yêu cầu chia đối với số tiền bồi thường đất là 10.000.000 đồng, các ông, bà đều thống nhất, không có ý kiến gì. Sau khi cụ Y, cụ Ch chết thửa đất này không ai ở, trên đất có nhà của cụ Ch, cụ Y đã cũ, thỉnh thoảng các anh chị em về thăm nom, hiện nay các con của cụ Ch, cụ Y đều có nơi ở riêng, các đồng thừa kế không ai cải tạo, đổ thêm đất để làm tăng giá trị đất (không có đất bồi trúc).

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Th còn trình bày mẹ bà là Võ Thị Đ chết năm 1969, bà Đ chỉ có bà Th là con, ngoài ra bà Đ không có người con nào khác. Bà Đ chết trước cụ Ch, cụ Y nên bà Th là người thừa kế thế vị của bà Đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ Võ Ch và cụ Nguyễn Thị Y để lại. Xác định di sản của cụ Ch và cụ Y là thửa đất số 710, diện tích 605,2m² tại Thôn L, xã T, thành phố Q. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ch, cụ Y gồm các ông bà: Võ Đ, Võ B, Võ Thanh M, Võ Thị T, Võ Thị Nh, Võ Thị Nh, Võ Thị Đ (bà Đ chết có bà Nguyễn Thị Th con gái bà Đ thừa kế thế vị). Chia di sản của cụ Ch và cụ Y thành 07 kỷ phần bằng nhau, mỗi đồng thừa kế một kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị 496.264.000 đồng. Giao cho ông Võ B và ông Võ Đ mỗi người quản lý, sử dụng ½ (302.6m²) thửa đất số 710 tại thôn Long Bàn, xã T, thành phố Q. Ông B, ông Đ phải thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là số tiền bồi thường khi thu hồi đất hiện còn là 10.000.000 đồng. Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Đương sự phải chịu tương ứng với phần tài sản mình được hưởng. Về án phí: Ông Võ Đ, Võ Thanh M, Võ Thị T, Võ Thị Nh là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí. Ông Võ B, bà Võ Thị Nh, bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản mình được nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Võ Bạc khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thôn Long Bàn, xã T, thành phố Q Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, tại điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Theo đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn ông Võ B yêu cầu chia di sản của cụ Ch, cụ Y làm 08 kỷ phần, nguyên đơn xin nhận 02 kỷ phần. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 710, thành 07 kỷ phần bằng nhau cho các đồng thừa kế. Tại phiên tòa, ông Võ B xin rút yêu cầu đối với số tiền nhà nước bồi thường về việc thu hồi đất còn lại 10.000.000đồng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về việc rút yêu cầu chia số tiền 10.000.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu và rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nguyên đơn ông Võ B đã rút.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ thừa kế và di sản thừa kế của cụ Võ Ch và cụ Nguyễn Thị Y:

Các đương sự đều thừa nhận về quan hệ huyết thống, di sản thừa kế: Cụ Võ Ch (chết năm 2010) kết hôn với cụ Nguyễn Thị Y (chết năm 1979), có 07 người con, gồm có: Ông Võ Đ, ông Võ B, ông Võ Thanh M, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị Nh và bà Võ Thị Đ (bà Đ chết năm 1969 có 01 người con là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969 thừa kế thế vị, bà Th được hưởng phần thừa kế mà bà Đ được hưởng). Cụ Võ Ch và cụ Nguyễn Thị Y chết không để lại di chúc. Ngoài ra, cụ Ch, cụ Y không có người con nào khác và nguồn gốc thửa đất số 710, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 25), loại đất T (đất ở) diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 796m^2 tại thôn Long Bàn, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là của cụ Võ Ch và cụ Nguyễn Thị Y. Năm 2012, Nhà nước quy hoạch mở đường đã thu hồi một phần diện tích của thửa đất nêu trên là 255m^2 và bồi thường số tiền 25.000.000 đồng. Thửa đất số 710 có diện tích đo đạc thực tế $605,2\text{ m}^2$, diện tích đất chênh lệch biến động tăng là $64,2\text{ m}^2$ ($796\text{m}^2 - 255\text{m}^2 = 541\text{ m}^2$). Đây là những tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận, không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2.2] Về diện tích đất chênh lệch biến động tăng là $64,2\text{ m}^2$ của thửa đất số 710:

- Tại Biên bản làm việc ngày 21-8-2019 giữa Tòa án và Ủy ban nhân dân xã T, Ủy ban nhân dân xã T cho biết: Về ranh giới mốc giới của thửa đất số 710 với các thửa đất xung quanh ổn định, tiếp giáp với thửa đất số 710 có đất của các hộ dân khác quản lý, sử dụng không có đất hoang hóa nên trong quá trình sử dụng cụ Võ Ch cũng như các con của cụ không khai hoang để làm tăng diện tích của thửa đất số 710. Ủy ban nhân dân xã cũng không nhận được đơn thư khiếu nại của các hộ liền kề có tranh chấp về ranh giới với thửa đất 710. Việc diện tích đo đạc thực tế có thay đổi tăng lên $64,2\text{m}^2$ so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do sai số trong quá trình đo đạc.

- Tại Công văn số 3644/UBND ngày 22-7-2020 và Công văn số 4267/UBND ngày 26-8-2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Q trả lời: Đối với diện tích chênh lệch khi đo đạc thực tế, căn cứ khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 quy định: *“Trường hợp có sự chênh lệch diện tích giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này hoặc Giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề thì khi cấp hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế...”*. Với quy định trên diện tích đo đạc thực tế chênh lệch so với bản đồ đo vẽ năm 2000, nếu không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề thì vẫn công nhận cho người sử dụng đất. Như vậy, có cơ sở xác định di sản của cụ Võ Ch và cụ Nguyễn Thị Y

để lại cho các đồng thừa kế là thửa đất số 710, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 25), loại đất T (đất ở) diện tích thực tế là 605,2 m² tại thôn Long Bàn, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

[2.3] Về giá trị di sản thừa kế:

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số: 0701.3/CT/TVĐN ngày 01- 7- 2019 của Công ty Cổ phần định giá và Tư vấn đầu tư Đ thì giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 710 , tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 25), diện tích thực tế là 605,2 m² tại thôn Long Bàn, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, một m² đất có giá 5.740.000đ/m². Giá trị quyền sử dụng đất là 3.473.848.000 đồng. Các đương sự đều thống nhất với kết quả thẩm định nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá nêu trên để xác định giá trị tài sản đang tranh chấp.

- Về phương án bồi thường, diện tích đất bị thu hồi, số tiền bồi thường, các đồng thừa kế đều thống nhất, không có ý kiến tranh chấp gì, các đồng thừa kế không ai cải tạo, đổ thêm đất để làm tăng giá trị đất (không có đất bồi trức).

- Về tài sản có trên thửa đất số 710: Các đương sự đều thống nhất đối với tài sản có trên đất, giá trị không đáng kể nếu chia cho ai được nhận đất thì người đó được quản lý, sử dụng tài sản trên phần đất được chia, các đồng thừa kế không yêu cầu chia thừa kế đối với các tài sản này. Do đó, tài sản có trên phần đất được giao cho người nào thì người đó có quyền quản lý, sử dụng.

[2.4] Về phân chia di sản thừa kế:

2.4.1. Đối với ý kiến của bị đơn ông Võ Đ, yêu cầu các đồng thừa kế phải để lại một phần diện tích đất, có kích thước rộng 5m x dài 20m = 100m² để làm nhà thờ, phần đất còn lại của thửa đất chuyển nhượng, sau khi chuyển nhượng thì trích một số tiền để xây dựng nhà thờ, số tiền còn lại chia đều cho tất cả các đồng thừa kế. Nguyên đơn và tất cả người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không đồng ý với ý kiến của bị đơn về việc để lại một phần diện tích đất để làm nhà thờ. Hội đồng xét xử, xét thấy, pháp luật không quy định bắt buộc khi chia di sản thừa kế, các đồng thừa kế phải trích một phần di sản để lại làm nhà thờ. Trường hợp các đồng thừa kế đều thỏa thuận, thống nhất để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận sự tự nguyện của đương sự. Trong vụ án này, các đồng thừa kế khác không đồng ý với ý kiến của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử, chia di sản thừa kế của cụ Võ Ch và cụ Nguyễn Thị Y theo quy định của pháp luật.

[2.4.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu được nhận toàn bộ thửa đất 710 và thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế. Hội đồng xét xử, xét thấy: Hiện trạng thửa đất số 710 có chiều ngang (mặt tiền) 10,2m, chiều ngang (phía sau) 11,5m. Như vậy, có thể phân chia thửa đất số 710 thành 02 phần bằng nhau. Nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng nhận hiện vật nên không thể giao toàn bộ quyền sử dụng đất của thửa đất 710 cho nguyên đơn nên ý kiến của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4.3] Tại phiên tòa, bị đơn có ý kiến trường hợp Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của của cụ Ch, cụ Y theo quy định pháp luật thì bị đơn yêu cầu chia thửa đất số 710 thành 8 kỷ phần bằng nhau, bị đơn xin nhận 02 kỷ phần, các đồng thừa kế khác mỗi người nhận 01 kỷ phần vì bị đơn có công lo chôn cất, xây dựng mồ mã cho cụ Ch và cụ Y, lo cúng giỗ, nộp thuế và quản lý thửa đất số 710, bị đơn xin nhận hiện vật; cụ thể yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ diện tích của thửa đất số 710 và thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế. Hội đồng xét xử, xét thấy: Các đương sự đều thừa nhận sau khi cụ Ch, cụ Y chết thì thửa đất số 710 không có ai ở, bị đơn đã có nhà ở riêng, về cúng giỗ cụ Ch, cụ Y bị đơn cũng thừa nhận số tiền bồi thường khi thu hồi đất được sử dụng vào việc cúng giỗ, về xây dựng mồ mã các đồng thừa kế khác trình bày tất cả anh chị em đều góp tiền để xây mồ mã cho cụ Ch, cụ Y còn bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến bị đơn yêu cầu được nhận 02 kỷ phần thừa kế của của Ch, cụ Y.

[2.4.4] Di sản thừa kế của cụ Võ Ch và cụ Nguyễn Thị Y là quyền sử dụng đất của thửa đất số 710, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 25), diện tích thực tế là 605,2 m² tại thôn Long Bàn, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi được chia theo pháp luật cho 07 đồng thừa kế của cụ Ch và cụ Y, gồm: Ông Võ Đ, ông Võ B, ông Võ Thanh M, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị Nh và bà Võ Thị Đ (bà Đ chết năm 1969 nên con bà Đ là bà Nguyễn Thị Th, được hưởng phần thừa kế mà bà Đ được hưởng), mỗi người đồng thừa kế được nhận có giá trị là 3.473.848.000 đồng : 7 người = 496.264.000 đồng.

Chia bằng hiện vật:

- Chia cho ông Võ B được nhận quyền sử dụng đất có diện tích 302,6m² (được ký hiệu trên sơ đồ bản vẽ là A) tương đương giá trị: 1.736.924.000 đồng (một tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng); phần đất này có giới cận như sau: Phía Đông giáp thửa đất số 58, có số đo 57,1m; phía Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 710, có số đo 57,1m; phía Bắc giáp thửa đất số 57, có số đo 5,7m; phía Nam giáp đường Mỹ Trà - Mỹ Khê, có số đo 5,1m.

- Chia cho ông Võ Đ được nhận quyền sử dụng đất có diện tích 302,6m² (được ký hiệu trên sơ đồ bản vẽ là B) tương đương giá trị: 1.736.924.000 đồng (một tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng); phần diện tích đất này có giới cận như sau: Phía Đông giáp phần đất còn lại của thửa đất số 710, có số đo 57,1m; phía Tây giáp thửa đất số 60, có số đo là 57,1m; phía Bắc giáp thửa đất số 57, có số đo 5,7m; phía Nam giáp đường Mỹ Trà-Mỹ Khê, có số đo là 5,1m.

- Ông Võ B phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Võ Thanh M, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị Nh, bà Nguyễn Thị Th mỗi người số tiền là 248.132.000 đồng.

- Ông Võ Đ phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Võ Thanh M, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị Nh, bà Nguyễn Thị Th mỗi người số tiền là 248.132.000 đồng.

- Cây cối, tài sản có trên phần đất được chia cho ông Võ B, Võ Đ thì ông B, Đ được quyền quản lý, sử dụng.

- Một ngôi nhà cấp 4 đã cũ có trên thửa đất số 710, không còn giá trị sử dụng, các đồng thừa kế đều thống nhất giao cho ông Võ B có trách nhiệm dỡ dọn ngôi nhà này, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ tự liên hệ đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3]. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí tố tụng 14.000.000đồng; gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000đồng; chi phí đo đạc 3.500.000đồng, thẩm định giá tài sản 8.500.000đồng ông Võ Đ, ông Võ Thanh M, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị Nh, bà Nguyễn Thị Th mỗi người phải chịu 2.000.000đồng. Ông Võ B đã tạm ứng chi phí tố tụng 14.000.000đồng. Do đó, ông Võ Đ, ông Võ Thanh M, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị Nh, bà Nguyễn Thị Th mỗi người phải hoàn trả lại cho ông Võ B 2.000.000đồng.

[4]. Về án phí:

- Ông Võ B, Võ Đ, ông Võ Thanh M, bà Võ Thị Tn, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị Nh, bà Nguyễn Thị Th mỗi người phải nộp: 23.851.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ B đã nộp ứng án phí 2.035.700 đồng (do ông Hồ Ngọc Ph nộp thay) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2018/0001118 ngày 26-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Ông Võ B còn phải nộp 21.815.300 đồng.

Ông Võ Đ, ông Võ Thanh M, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Nh là người cao tuổi và có đơn xin được miễn tiền án phí nên mỗi người được miễn nộp tiền án phí 23.851.000 đồng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; 147, 157, 158, 165, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ B, về việc chia di sản thừa kế tài sản.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia di sản thừa kế số tiền bồi thường khi thu hồi đất hiện còn lại 10.000.000 đồng.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Võ Ch và cụ Nguyễn Thị Y; gồm có: Ông Võ Đ, ông Võ B, ông Võ Thanh M, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị Nh và bà Võ Thị Đ (bà Đâu chết năm 1969 nên con bà Đ là bà Nguyễn Thị Th thừa kế thế vị, bà Thủy được hưởng phần thừa kế mà bà Đ được hưởng).

4. Xác định di sản thừa kế của cụ Võ Ch và cụ Nguyễn Thị Y:

Di sản thừa kế của cụ Ch và cụ Y là quyền sử dụng đất của thửa đất số 710, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 25), loại đất T (đất ở), diện tích thực tế 605,2 m² tại thôn Long Bàn, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giá trị 3.473.848.000 đồng (ba tỷ, bốn trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

5. Chia di sản thừa kế của cụ Võ Ch và cụ Nguyễn Thị Y theo quy định của pháp luật thành 07 kỷ phần bằng nhau cho 07 đồng thừa kế là ông Võ Đ, ông Võ B, ông Võ Thanh M, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị Nh và bà Võ Thị Đ (bà Đ chết năm 1969 nên con bà Đâu là bà Nguyễn Thị Th thừa kế thế vị, bà Th được hưởng phần thừa kế mà bà Đ được hưởng), mỗi đồng thừa kế được nhận là 496.264.000 đồng (bốn trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Chia bằng hiện vật:

5.1. Chia cho ông Võ B được nhận quyền sử dụng đất có diện tích 302,6m² (được ký hiệu trên sơ đồ bản vẽ là A) tương đương giá trị: 1.736.924.000 đồng (một tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng); phần đất này có giới cận như sau: Phía Đông giáp thửa đất số 58, có số đo 57,1m; phía Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 710, có số đo 57,1m; phía Bắc giáp thửa đất số 57, có số đo 5,7m; phía Nam giáp đường Mỹ Trà-Mỹ Khê, có số đo 5,1m.

5.2. Chia cho ông Võ Đ được nhận quyền sử dụng đất có diện tích 302,6m² (được ký hiệu trên sơ đồ bản vẽ là B) tương đương giá trị: 1.736.924.000 đồng (một tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng); phần diện tích đất này có giới cận như sau: Phía Đông giáp phần đất còn lại của thửa đất số 710, có số đo 57,1m; phía Tây giáp thửa đất số 60, có

số đo là 57,1m; phía Bắc giáp thửa đất số 57, có số đo 5,7m; phía Nam giáp đường Mỹ Trà-Mỹ Khê, có số đo 5,1m.

5.3. Ông Võ B phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Võ Thanh Minh, bà Võ Thị Tn, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị Nh, bà Nguyễn Thị Th mỗi người số tiền là 248.132.000 đồng (hai trăm bốn mươi tám triệu, một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

5.4. Ông Võ Đ phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Võ Thanh M, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị Nh, bà Nguyễn Thị Th mỗi người số tiền là 248.132.000 đồng (hai trăm bốn mươi tám triệu, một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Cây cối, tài sản có trên phần đất được chia cho ông Võ B, Võ Đ thì ông B, ông Đ được quyền quản lý, sử dụng.

5.5. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự, giao cho ông Võ B có trách nhiệm dỡ dọn 01 ngôi nhà cấp 4 đã cũ có trên thửa đất số 710, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 25) tại xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ tự liên hệ đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Kèm theo bản án này là sơ đồ phân chia thửa đất là một bộ phận không tách rời bản án).

6. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí tố tụng tổng cộng 14.000.000đồng. Ông Võ B, ông Võ Đ, ông Võ Thanh M, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị Nh, bà Nguyễn Thị Th mỗi người phải chịu 2.000.000đồng. Ông Võ B đã tạm ứng chi phí tố tụng 14.000.000đồng. Do đó, ông Võ Đ, ông Võ Thanh M, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Nh, bà Võ Thị Nh, bà Nguyễn Thị Th mỗi người phải hoàn trả lại cho ông Võ B 2.000.000đồng (hai triệu đồng).

7. Về án phí:

- Ông Võ B phải nộp là 23.851.000 đồng (hai mươi ba triệu, tám trăm năm mươi một nghìn) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông B đã nộp ứng án phí 2.035.700 đồng (do ông Hồ Ngọc Ph nộp thay) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2018/0001118 ngày 26-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Ông Võ B còn phải nộp 21.815.300 đồng (hai mươi một triệu, tám trăm mười lăm nghìn, ba trăm đồng).

- Bà Võ Thị Nh, bà Nguyễn Thị Th mỗi người phải nộp là 23.851.000 đồng (hai mươi ba triệu, tám trăm năm mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Võ Đ, ông Võ Thanh M, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Nh.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Thanh Đình Nguyễn Thị Tài Định

Lê Thị Kim Loan

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu: Hồ sơ.

Lê Thị Kim Loan

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

